

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1710/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và Chánh Văn phòng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này một (01) thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế trong lĩnh vực Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và sửa đổi Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính).

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê Tài chính và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Lãnh đạo Bộ;
- Văn phòng Bộ (P.CCHC);
- Website BTC;
- Lưu: VT, TCT(VT, P.CCHC (3)).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Thành Hưng

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1710/QĐ-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.008590	Thủ tục Gia hạn nộp thuế	Thủ tục Gia hạn nộp thuế	Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước; Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022; Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính	Thuế	Cục Thuế /Chi cục Thuế

Ghi chú:

Cấp Chi cục Thuế: Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực và Chi cục Thuế TP Thủ Đức;

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Thủ tục gia hạn nộp thuế

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế thuộc diện được gia hạn nộp thuế lập hồ sơ và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.

+ + *Theo nghị định số 34/2022/NĐ-CP*: Người nộp thuế trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế thuộc đối tượng được gia hạn gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuế đất (sau đây gọi là Giấy đề nghị gia hạn) lần đầu hoặc thay thế khi phát hiện có sai sót (bằng phương thức điện tử; gửi bản giấy trực tiếp đến cơ quan thuế hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ số thuế, tiền thuế đất phát sinh trong các kỳ tính thuế được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) theo quy định pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tháng (hoặc theo quý) thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 30 tháng 9 năm 2022.

+ + *Theo Nghị định số 32/2022/NĐ-CP*: Người nộp thuế thuộc đối tượng được gia hạn gửi Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 21/5/2022 của Chính phủ cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ các kỳ được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt thì thời hạn nộp Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt chậm nhất là ngày 20 tháng 11 năm 2022.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, gửi qua đường bưu chính công chức thuế tiếp nhận và giải quyết hồ sơ và trả kết quả theo quy định. Đối với trường hợp gia hạn thời hạn nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 32/2022/NĐ-CP và Nghị định số 34/2022/NĐ-CP thì cơ quan thuế không phải trả kết quả.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

Theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP: Trường hợp người nộp thuế có các khoản được gia hạn thuộc nhiều địa bàn cơ quan thuế quản lý khác nhau thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm truyền thông tin gửi Giấy đề nghị gia hạn cho cơ quan thuế quản lý có liên quan.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc gửi hồ sơ điện tử đến cơ quan thuế qua giao dịch điện tử (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN).

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ gồm:*

++ Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế của người nộp thuế theo mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

++ Tùy từng trường hợp, hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế phải có thêm các tài liệu sau:

(*) Trường hợp do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ quy định tại điểm a khoản 27 Điều 3 Luật Quản lý thuế, phải có:

- Tài liệu chứng thực về thời gian, địa điểm xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

- Văn bản xác định giá trị vật chất bị thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu;

- Văn bản (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế) quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường thiệt hại (nếu có);

- Các chứng từ (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế) liên quan đến việc bồi thường thiệt hại (nếu có).

(*) Trường hợp bất khả kháng khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ, phải có:

- Văn bản xác định giá trị vật chất bị thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu;

- Tài liệu chứng thực về thời gian, địa điểm xảy ra bất khả kháng của cơ quan có thẩm quyền; tài liệu chứng minh người nộp thuế phải ngừng, nghỉ sản xuất, kinh doanh đối với trường hợp do chiến tranh, bạo loạn, đình công mà người nộp thuế phải ngừng, nghỉ sản xuất, kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

- Tài liệu chứng minh việc gặp rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người nộp thuế và người nộp thuế không có khả năng nguồn tài chính nộp ngân sách nhà nước đối với trường hợp bị thiệt hại do gặp rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người nộp thuế (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

- Các chứng từ (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế) liên quan đến việc bồi thường thiệt hại của cơ quan bảo hiểm (nếu có).

(*) Trường hợp di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 62 Luật Quản lý thuế, phải có:

- Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với người nộp thuế (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

- Đề án hoặc phương án di dời, trong đó thể hiện rõ kế hoạch và tiến độ thực hiện di dời của người nộp thuế (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế).

+ + Theo Nghị định số 32/2022/NĐ-CP: Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 32/2022/NĐ-CP.

+ + Theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP: Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP. Chủ đầu tư các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các khoản thanh toán từ nguồn ngân sách nhà nước cho các công trình xây dựng cơ bản của các dự án sử dụng vốn ODA thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng khi làm thủ tục thanh toán với Kho bạc Nhà nước phải gửi kèm thông báo cơ quan thuế đã tiếp nhận Giấy đề nghị gia hạn hoặc Giấy đề nghị gia hạn có xác nhận đã gửi cơ quan thuế của nhà thầu thực hiện công trình.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế chưa đầy đủ theo quy định hoặc phát hiện có dấu hiệu sai phạm về giá trị vật chất bị thiệt hại trong hồ sơ do người nộp thuế tự xác định hoặc các sai sót khác, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo bằng văn bản theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ đề nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế đầy đủ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thuế phải ban hành Thông báo không chấp thuận gia hạn nộp thuế (mẫu số 03/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính) đối với trường hợp không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế (mẫu số 02/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính) đối với trường hợp thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế.

Theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP:

+ Không phải trả kết quả (thông báo) cho người nộp thuế trong trường hợp được chấp nhận gia hạn.

+ Không quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp trong thời gian gia hạn, cơ quan thuế có cơ sở xác định người nộp thuế không thuộc đối tượng được gia hạn thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế về việc không gia hạn và người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế, tiền thuê đất và tiền chậm nộp trong khoảng thời gian đã thực hiện gia hạn vào ngân sách nhà nước.

Theo Nghị định số 32/2022/NĐ-CP:

+ Không phải trả kết quả (thông báo) cho người nộp thuế trong trường hợp được chấp nhận gia hạn.

+ Không quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp trong thời gian gia hạn, cơ quan thuế có cơ sở xác định người nộp thuế không thuộc đối tượng được gia hạn thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế về việc dừng gia hạn và người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế và tiền chậm nộp trong khoảng thời gian đã thực hiện gia hạn vào ngân sách nhà nước.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thuế thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế/Chi cục Thuế

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP: Cơ quan thuế không phải thông báo cho người nộp thuế trong trường hợp chấp nhận gia hạn.

Trường hợp trong thời gian gia hạn, cơ quan thuế có cơ sở xác định người nộp thuế không thuộc đối tượng gia hạn thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế về việc không gia hạn và người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế, tiền thuê đất và tiền chậm nộp trong khoảng thời gian đã thực hiện gia hạn vào ngân sách nhà nước.

+ Theo Nghị định số 32/2022/NĐ-CP: Cơ quan thuế không phải thông báo cho người nộp thuế trong trường hợp chấp nhận gia hạn.

Trường hợp trong thời gian gia hạn, cơ quan thuế có cơ sở xác định người nộp thuế không thuộc đối tượng được gia hạn thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế về việc dừng gia hạn và người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế và tiền chậm nộp trong khoảng thời gian đã thực hiện gia hạn vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với các trường hợp còn lại:

++ Thông báo không chấp thuận gia hạn nộp thuế (mẫu số 03/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính).

++ Hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế (mẫu số 02/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính).

- **Phí, lệ phí:** Không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế của người nộp thuế theo mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

+ Theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP: Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất ban hành kèm theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP.

+ Theo Nghị định số 32/2022/NĐ-CP: Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định số 32/2022/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định và điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày

18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội;
- + Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;
- + Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 21/5/2022 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước;
- + Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022;
- + Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;
- + Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm

VBPL-TS24COPY
www.TS24.com.vn

Mẫu số: 01/GHAN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

V/v đề nghị gia hạn nộp thuế

Kính gửi:(Tên cơ quan thuế)....

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Địa chỉ nhận thông báo:

Điện thoại: E-mail:

Ngành nghề kinh doanh chính là:

Đề nghị(tên cơ quan thuế) gia hạn nộp thuế theo quy định tại Điều ...
Thông tư số .../.../TT-BTC ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ
thể như sau:

1. Lý do đề nghị gia hạn:

2. Giá trị vật chất bị thiệt hại, các khoản được bồi thường, bảo hiểm (đối với
trường hợp bất khả kháng); chi phí thực hiện di dời và thiệt hại do phải di dời gây ra,
các khoản được hỗ trợ, đền bù thiệt hại (đối với trường hợp di dời cơ sở sản xuất, kinh
doanh):

3. Số thuế và thời gian đề nghị gia hạn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế đề nghị gia hạn	Tiểu mục	Số tiền	Thời hạn nộp theo quy định	Thời gian đề nghị gia hạn	
					Từ ngày	Đến ngày
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thuế ...					
2	Thuế ...					
3	Tiền chậm nộp...					

...	...					
	Tổng cộng					

4. Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)

(1)

(2)

... (Tên người nộp thuế)... chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên và cam kết nộp đầy đủ số tiền thuế nợ được gia hạn sau khi hết thời hạn gia hạn nộp thuế.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT, ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

VBPL-TS24CORP

www.TS24.com.vn

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 21/5/2022 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN NỘP THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Kính gửi: Cơ quan thuế

[01] Tên người nộp thuế:

[02] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[03] Địa chỉ:

[04] Số điện thoại:

[05] Tên đại lý thuế (nếu có):

[06] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[07] Loại thuế đề nghị gia hạn:

Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.

[08] Trường hợp được gia hạn:

Doanh nghiệp có hoạt động sản xuất hoặc lắp ráp ô tô trong nước

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai: tôi cam kết nộp đầy đủ số tiền thuế theo thời hạn nộp thuế được gia hạn.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- Giấy đề nghị gia hạn thời hạn nộp thuế chỉ gửi 01 lần cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp cho toàn bộ các kỳ của tiêu thụ đặc biệt được gia hạn.
- Phương thức nộp người nộp thuế lựa chọn như sau:
 - + Người nộp thuế nộp theo phương thức điện tử gửi tới Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.
 - + Người nộp thuế nộp trực tiếp tới cơ quan thuế hoặc nộp qua đường bưu chính.

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỘP THUẾ VÀ TIỀN THUÊ ĐẤT

☐ Lần đầu

☐ Thay thế

Kính gửi: Cơ quan thuế

[01] Tên người nộp thuế:

[02] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[03] Địa chỉ:

[04] Số điện thoại:

[05] Tên đại lý thuế (nếu có):

[06] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[07] Loại thuế đề nghị gia hạn:

- ☐ a) Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp, tổ chức
- ☐ b) Thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp, tổ chức
- ☐ c) Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
- ☐ d) Tiền thuê đất (kê chi tiết địa chỉ từng khu đất thuê thuộc đối tượng gia hạn tiền thuê đất)

- Khu đất 1 theo Quyết định/hợp đồng số, ngày.../.../.....

- Khu đất 2 theo Quyết định/hợp đồng số, ngày.../.../.....

[08] Trường hợp được gia hạn:

I. DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ SIÊU NHỎ

☐ 1. Doanh nghiệp nhỏ:

Lĩnh vực hoạt động	Số lao động	Doanh thu (VNĐ)	Nguồn vốn (VNĐ)

☐ 2. Doanh nghiệp siêu nhỏ:

Lĩnh vực hoạt động	Số lao động	Doanh thu (VNĐ)	Nguồn vốn (VNĐ)

II. DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC, HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC:

- ☐ 1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- ☐ 2. Sản xuất, chế biến thực phẩm: ☐ 3. Dệt; ☐ 4. Sản xuất trang phục: ☐ 5. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan: ☐ 6. Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tẻ bện: ☐ 7. Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy: ☐ 8. Sản xuất sản phẩm từ cao su và Plastic; ☐ 9. Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; ☐ 10. Sản xuất kim loại; ☐ 11. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; ☐ 12. Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; ☐ 13. Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; ☐ 14. Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- ☐ 15. Xây dựng:
- ☐ 16. Vận tải kho bãi; ☐ 17. Dịch vụ lưu trú và ăn uống; ☐ 18. Giáo dục và đào tạo: ☐ 19. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội: ☐ 20. Hoạt động kinh doanh bất động sản; ☐ 21. Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; ☐ 22. Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- ☐ 23. Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; ☐ 24. Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; ☐ 25. Hoạt động thể thao, vui chơi giải trí;
- ☐ 26. Hoạt động chiếu phim:
- ☐ 27. Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;
- ☐ 28. Sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm;
- ☐ 29. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- ☐ 30. Hoạt động xuất bản; ☐ 31. Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc;
- ☐ 32. Hoạt động phát thanh, truyền hình;
- ☐ 33. Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính; ☐ 34. Hoạt động dịch vụ thông tin;
- ☐ 35. Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (không gia hạn đối với thuế thu nhập doanh nghiệp của dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thu theo hiệp định, hợp đồng);
- ☐ 36. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng;
- ☐ 37. Sản xuất đồ uống;
- ☐ 38. In, sao chép bản ghi các loại;
- ☐ 39. Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
- ☐ 40. Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất;
- ☐ 41. Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị);
- ☐ 42. Sản xuất mô tô, xe máy;
- ☐ 43. Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị;
- ☐ 44. Thoát nước và xử lý nước thải.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai; tôi cam kết nộp đầy đủ số tiền thuế theo thời hạn nộp thuế được gia hạn.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Mục I: NNT tự xác định theo quy định xác định theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Mục II: NNT tự xác định theo quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 15/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự xác định theo danh mục do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố.
- Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất chỉ gửi 01 lần cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp cho toàn bộ số thuế, tiền thuê đất phát sinh trong các kỳ tính thuế được gia hạn. Phương thức nộp người nộp thuế lựa chọn như sau:
 - + Người nộp thuế nộp theo phương thức điện tử gửi tới Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.
 - + Người nộp thuế nộp trực tiếp tới cơ quan thuế hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính.